

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-PT
Ngày 31 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp dân sự về
hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Thông

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đền,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn V, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 1, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 3, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1953.

3.2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1959.

3.3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 1, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Bùi Văn T, sinh năm 1989.

3.5. Bùi Văn Th, sinh năm 1991.

3.6. Bùi Văn Qu, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Tây 1, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện M.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ngày 22/8/1995, ông Bùi Văn B (ông B là chồng bà N) chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Văn B (cụ B là cha ông V) phần đất diện tích 2000m² thuộc một phần thửa 695, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Q với giá trị 09 chỉ vàng 24 kara (kèm theo Tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995).

Cụ B đã giao đủ 09 chỉ vàng cho ông B và nhận đất canh tác từ năm 1995 đến nay. Do Nhà nước chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gia đình chưa làm thủ tục đăng ký QSD phần đất 2000m² chuyển nhượng từ ông B.

Năm 2010, ông B chết. Ngày 04/01/2021, ông V đi kê khai đăng ký QSD đất thuộc thửa 695 (bao gồm 2000m² cụ Ba chuyển nhượng của ông B) thì phát sinh tranh chấp với bà N.

Nay ông V là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ B yêu cầu bà N, anh T, anh Th, anh Q (là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã ký ngày 22/8/1995, diện tích đo đạc thực tế 1.946,6m², thuộc một phần thửa đất 695, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Q cho ông Nguyễn Văn V đứng tên quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu phản tố của bà N yêu cầu ông V giao thêm 06 chỉ vàng 24 kara, để bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện tích 1000m² và yêu cầu ông V giao lại cho bà N diện tích đất 946,6 m² thuộc một phần thửa 695, ông V không đồng ý.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông B là vợ chồng (không đăng kết hôn). Năm 2010, ông B chết do tai nạn giao thông. Bà và ông B có 03 con chung gồm Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q.

Nguồn gốc phần đất chuyển nhượng cho ông V là do ba chồng của bà cụ Bùi Tám Thừa cho vợ chồng trước 1990 (cụ Tám Thừa đã chết).

Bà thừa nhận năm 1995 (không nhớ ngày tháng) vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông V diện tích 1000m^2 , với giá 15 chỉ vàng 24 kara. Ông V đã giao vàng cho vợ chồng bà 09 chỉ, còn nợ lại 06 chỉ vàng chưa giao.

Nay bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện tích 1000m^2 cho ông V, yêu cầu ông V giao 06 chỉ vàng còn lại.

Phần đất thừa khi đo đạc là $946,6\text{m}^2$, bà yêu cầu ông V trả lại để bà canh tác vì bà không có chuyển nhượng cho ông V diện tích trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Mọi vấn đề phát sinh trong vụ án do ông V toàn quyền quyết định.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Phần di sản của cụ B là diện tích đất đo đạc thực tế $1.946,6\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 695, tờ bản đồ số 05, các bà từ chối nhận phần di sản này và giao cho ông V quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q trình bày: Việc ông V tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N các anh biết. Nhưng thời điểm chuyển nhượng đất 1995 các anh không có công sức đóng góp gì. Trong vụ án này các anh không có yêu cầu độc lập. Mọi vấn đề phát sinh trong vụ án do bà N toàn quyền quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện M vắng mặt.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/8/1995 (Tờ sang nhượng đất) giữa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Nguyễn Văn B là Nguyễn Văn V với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Văn B gồm Lê Thị N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q đối với diện tích đất đo đạc thực tế $1.946,6\text{m}^2$, thuộc một phần thửa đất 695, tờ bản đồ số 05 cho ông Nguyễn Văn V đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

(Trong phạm vi các mốc M2 – M3 – M4 – M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M11 – M1 – M2).

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 12- 2021, hệ tọa độ tự do, tờ bản đồ số 05 do Công ty Bảo Long thực hiện việc đo vẽ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2021 của Tòa án Huyện).

Các bên đương sự đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định Luật đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn V giao 06 chỉ chỉ vàng 24 kara; không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả diện tích đất 946,6m² thuộc một phần thửa 695, TBĐ số 05, đất tọa lạc tại xã Q, huyện M, Đồng Tháp.

3. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Lê Thị N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q nộp 5.450.000 đồng trả lại cho ông Nguyễn Văn V tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Chi phí tách bộ, sang tên ông Nguyễn Văn V tự nguyện nộp.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2022 bà Lê Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M. Bà N yêu cầu hủy tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995, buộc ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà N diện tích đất 946,6m², thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo bà Lê Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo bà Lê Thị N nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà N được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện M có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn Qu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của đương sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị N yêu cầu hủy tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 giữa ông Bùi Văn B với ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà N diện tích đất 946,6m², thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

[2.1] Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bà N, ông V đều thừa nhận nguồn gốc đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.946,6m² thuộc thửa 695, tờ bản đồ số 05 là của ông Bùi Văn B được ông Bùi Tám Thừa cho nhưng ông Tám Thừa, ông B chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Xét Tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 giữa ông Bùi Văn B với ông Nguyễn Văn B:

Bà N thừa nhận vào năm 1995 thì chồng bà là ông B có chuyển nhượng đất cho cụ Ba (cha của ông V) nhưng chỉ chuyển nhượng diện tích 1.000m² với giá là 15 chỉ vàng 24kara. Ông V đã giao cho ông B 09 chỉ còn lại 06 chỉ vàng cụ Ba chưa trả đủ nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995, ông Bùi Văn B có chuyển nhượng phần đất ruộng gồm 2.000m² (tứ cận: phía Bắc giáp chướng 4.000, phía đông giáp Nguyễn Văn B, phía tây giáp ông Tư L nam giáp ông Nguyễn Văn B) cho cụ Nguyễn Văn B với giá 09 chỉ vàng 24kara. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cũng thừa nhận ông B đã giao đất cho cụ Ba, ông V sử dụng trồng lúa từ năm 1995 cho đến nay không có tranh chấp, đến khi ông Nho đăng ký quyền sử dụng đất mới phát sinh tranh chấp. Bà N cho rằng ông B chỉ chuyển nhượng cho cụ B diện tích đất 1.000m² với giá 15 chỉ vàng 24kara nhưng bà N không có chứng cứ chứng minh và hơn

nữa từ năm 1995 cụ B, ông V đã sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.946,6m² thuộc thửa 695 công khai, liên tục trên 25 năm nhưng gia đình ông B, bà N không có ý kiến gì. Do đó có cơ sở để xác định cụ Ba đã giao đủ vàng cho ông B và ông B đã giao đất 2.000m² cho cụ B (ông V) xong nên đây là giao dịch đã được thực hiện xong nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng quy định theo điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 được ông B và cụ B lập thành văn bản, thời điểm chuyển nhượng thì ông B chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có vi phạm pháp luật về đất đai năm 1993 là chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng đất. Nhưng theo quy định tại mục 2.3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập sau ngày 15/10/1993 thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có đầy đủ các điều kiện theo quy định nhưng bên chuyển nhượng không phản đối và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì không coi là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện và Tòa án công nhận hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Đ xác nhận ông là người viết tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 và cũng xác định ông B, ông V nhận đất sử dụng từ năm 1995 cho đến nay. Theo Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ về hình thức, nhưng trừ trường hợp: Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba (2/3) nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó.

Theo công văn số 2599/CNTM-ĐKCG ngày 15/4/2022 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M cung cấp thông tin theo sổ mục kê tờ bản đồ số 05 thuộc bản đồ địa chính chính quy thửa 695, đất tọa lạc tại xã M, huyện M, tỉnh Đồng Tháp chưa thể hiện tên chủ sử dụng đất. Do đó, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hệ thống bản đồ chính quy. Theo công văn số 2227/UBND-NC ngày 29/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện M thì thửa 695, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã M, huyện M không nằm trong quy hoạch hay công trình trọng điểm của địa phương, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ các quy định trên thì hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 giữa ông Bùi Văn B và cụ Nguyễn Văn B có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích trên kháng cáo của bà N yêu cầu hủy tờ sang nhượng đất ngày 22/8/1995 giữa ông Bùi Văn B với ông Nguyễn Văn B. Buộc ông Nguyễn Văn V trả lại cho bà N diện tích đất 946,6m², thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Lê Thị N chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng vì bà N là người cao tuổi theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 129 Bộ luật dân sự dân sự năm 2015;

Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 22/8/1995 (Tờ sang nhượng đất) giữa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ Nguyễn Văn B là Nguyễn Văn V với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Văn B gồm Lê Thị N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q đối với diện tích đất đo đạc thực tế 1.946,6m², thuộc một phần thửa đất 695, tờ bản đồ số 05 cho ông Nguyễn Văn V đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

(Trong phạm vi các mốc M2 – M3 – M4 – M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M11 – M1 – M2).

(Kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 12- 2021, hệ tọa độ tự do, tờ bản đồ số 05 do Công ty Bảo Long thực hiện việc đo vẽ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2021 của Tòa án Huyện).

Các bên đương sự đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định Luật đất đai. Chi phí tách bộ, sang tên ông Nguyễn Văn V tự nguyện nộp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn V giao 06 chỉ vàng 24 kara; không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả diện tích đất 946,6m² thuộc một phần thửa 695, TĐĐ số 05, đất tọa lạc tại xã Q, huyện M, Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp tạm ứng án và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Bà Lê Thị N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q phải chịu 4.103.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.751.000 đồng theo lai thu số 0001735, ngày 06/12/2021. Bà N, anh T, anh Th, anh Q nộp tiếp số tiền 2.352.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự M.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Lê Thị N, Bùi Văn T, Bùi Văn Th, Bùi Văn Q nộp 5.450.000 đồng trả lại cho ông Nguyễn Văn V tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0008049 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông – Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy Trần Trung Thành

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành